

3. GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH NGHIỆP VÀ GCN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức khoa học và công nghệ phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Nghiêm cấm cho mượn, cho thuê Giấy chứng nhận.
4. Làm thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận theo đúng quy định.
5. Làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định khi Giấy chứng nhận bị mất hoặc rách, nát.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đăng ký lần đầu, ngày 5/6/1993; Đăng ký lần thứ hai, ngày 01/8/2003

Đăng ký lần thứ ba, ngày 29/11/2005; Đăng ký lần thứ tư, ngày 12/01/2006

Đăng ký lần thứ năm, ngày 03/12/2008; Đăng ký lần thứ sáu, ngày 07/12/2011

Đăng ký lần thứ bảy, ngày 27/7/2015

Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam

Tên viết bằng tiếng nước ngoài:

Southern Institute of Water Resources Research

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: SIWRR

Trụ sở chính:

Số 658 Võ Văn Kiệt, phường 1, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Tổng số vốn: 64.635.159.000 đồng

Cơ quan quyết định thành lập:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Quyết định số: 55/2008/QĐ-BNN ngày 24/4/2008

(trước đây thành lập theo Quyết định số 864/QĐ-TC ngày 19/8/1978 của Bộ Thủy lợi)

Cơ quan quản lý trực tiếp:

Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Trần Bá Hoàng

CMND: số 024141532

Nơi cấp: Công an thành phố Hồ Chí Minh

Ngày cấp: 01/3/2007

SỐ ĐĂNG KÝ : A - 106

Hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ sau:

- Nghiên cứu cơ bản, ứng dụng và triển khai về thủy lợi, thủy điện, bảo vệ môi trường ở các tỉnh phía Nam, bao gồm: Chiến lược phát triển thủy lợi; Quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên đất, nước ở các lưu vực sông; Chính trị sông, bảo vệ bờ sông, phòng chống lũ, lụt và giảm nhẹ thiên tai; Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến nguồn nước, quy hoạch, xây dựng và vận hành hệ thống thủy lợi, đê điều, thủy sản, nông nghiệp, nông thôn; Thủy nông cải tạo đất, môi trường, xử lý nước; Thủy lợi phục vụ thủy sản, quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, thủy điện; Công nghệ xây dựng công trình thủy lợi; Vật liệu xây dựng, kết cấu công trình; Nền móng và địa kỹ thuật; Thủy công, thủy lực và mô hình vật lý các công trình thủy lợi, thủy điện; Công nghệ thông tin và tự động hóa.
 - Chuyên gia, ứng dụng và triển khai kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất; Xây dựng quy trình quản lý vận hành các công trình, hệ thống công trình thủy lợi, thủy sản; Thiết kế xây dựng mô hình thử nghiệm.
 - Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ kết quả nghiên cứu; Xuất nhập khẩu công nghệ, vật tư, thiết bị thủy lợi, thủy điện, môi trường; Đầu tư xây dựng các công trình, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng.
 - Tư vấn xây dựng về quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng, quan trắc môi trường, đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, khảo sát xây dựng, thiết kế, thẩm tra, tham gia thẩm định, giám định, giám sát xây dựng, quản lý dự án; Thi nghiệm thủy lực, vật liệu, kết cấu, nền móng, địa kỹ thuật, hóa môi trường thuộc các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình thủy điện, dân dụng, môi trường, đường nông thôn, bến phà, đường thủy nội địa, hàng hải và công trình hạ tầng kỹ thuật; Lập đề án khai thác nước mặt, nước dưới đất, xả nước thải vào nguồn; Tham gia biên soạn quy trình, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức kinh tế, kỹ thuật; Thông tin, tiếp thị khoa học công nghệ trong các lĩnh vực nghiên cứu nêu trên.
 - Hợp tác trong nước, quốc tế về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực trong các lĩnh vực hoạt động của Viện.
- (Đối với những lĩnh vực hoạt động có điều kiện theo quy định của pháp luật, trước khi thực hiện phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2016

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Trần Văn Tùng

Số: **2862** /QĐ-BNN-TCCB

Hà Nội, ngày **18** tháng 9 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 594/QĐ-TTg ngày 10/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Viện Khoa học Thủy lợi và Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam tại tờ trình số 114/TTr-VKHTLVN ngày 11/9/2008 về việc ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam trực thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam theo quy định tại Quyết định số 594/QĐ-TTg ngày 10/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam là đơn vị sự nghiệp khoa học công lập có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc và ngân hàng nhà nước; trụ sở chính của Viện đặt tại thành phố Hồ Chí Minh.

3. Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam có chức năng nghiên cứu khoa học, nghiên cứu khoa học phục vụ các dịch vụ công ích của nhà nước, tham gia đào tạo sau đại học, hợp tác quốc tế, tư vấn và chuyển giao công nghệ về lĩnh vực thủy lợi, thủy điện, môi trường và thực hiện các nhiệm vụ của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam tại miền Nam.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền, chiến lược, các chương trình, dự án, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm về khoa học, công nghệ trong lĩnh vực thủy lợi, thủy điện, môi trường của các tỉnh phía Nam; tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nghiên cứu cơ bản có định hướng, nghiên cứu ứng dụng tổng hợp về thủy lợi, thủy điện, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu thuộc các tỉnh phía Nam. Các lĩnh vực nghiên cứu cụ thể:

2.1) Chiến lược phát triển thủy lợi ở các tỉnh phía Nam trong tổng thể chiến lược phát triển thủy lợi Quốc gia;

2.2) Quy hoạch phát triển và quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên đất, nước ở các lưu vực sông phía Nam;

2.3) Chính trị sông, bảo vệ bờ sông, phòng chống lũ, lụt và giảm nhẹ thiên tai;

2.4) Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến nguồn nước, quy hoạch, xây dựng và vận hành hệ thống thủy lợi, đê điều, thủy sản, nông nghiệp, nông thôn.

2.5) Thủy nông cải tạo đất; môi trường, xử lý nước; quản lý tưới có sự tham gia của cộng đồng; thủy lợi phục vụ thủy sản, quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, thủy điện;

2.6) Công nghệ xây dựng công trình thủy lợi;

2.7) Vật liệu xây dựng, kết cấu công trình;

2.8) Nền móng và địa kỹ thuật;

2.9) Thủy công, thủy lực và mô hình vật lý các công trình thủy lợi, thủy điện;

2.10) Công nghệ thông tin và tự động các hệ thống thủy lợi.

3. Xây dựng mô hình thử nghiệm; chuyên giao kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ vào sản xuất theo quy định của pháp luật; xây dựng quy trình quản lý vận hành các công trình, hệ thống công trình thủy lợi, thủy sản.

4. Cung cấp các dịch vụ tư vấn về quy hoạch, khảo sát, thiết kế, thẩm định, giám sát, quản lý dự án; thí nghiệm thủy lực, vật liệu, kết cấu, nền móng, địa kỹ thuật thuộc các dự án đầu tư xây dựng thủy lợi, thủy điện, thủy sản, hạ tầng kỹ thuật nông thôn và bảo vệ môi trường phù hợp với năng lực hành nghề, nguồn vốn và trang thiết bị của Viện theo quy định của Luật Xây dựng và pháp luật có liên quan.

5. Tham gia biên soạn các quy trình, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức kinh tế, kỹ thuật, trình cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật.

6. Thông tin khoa học theo quy định của pháp luật.

7. Tổ chức sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thuộc lĩnh vực được giao; đầu tư xây dựng các công trình hoặc hạng mục công trình thuộc dự án đầu tư phát triển công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật.

8. Hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, thử nghiệm kỹ thuật mới, đào tạo nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực được giao theo quy định của pháp luật.

9. Tham gia đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ có trình độ cao; tổ chức đào tạo sau đại học theo các chuyên ngành được cơ quan có thẩm quyền công nhận, liên kết đào tạo đại học về chuyên ngành thủy lợi, thủy điện và môi trường theo quy định của pháp luật.

10. Làm nhiệm vụ cầu nối của các đơn vị thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam với các địa phương ở các tỉnh phía Nam để giải quyết các vấn đề khoa học, công nghệ về thủy lợi, thủy điện và bảo vệ môi trường.

11. Tham gia các hoạt động về phòng chống úng ngập, hạn hán, xâm nhập mặn, bão lụt, giảm thiểu thiên tai, sa mạc hoá tại các tỉnh phía Nam thuộc nhiệm vụ của Bộ.

12. Quản lý và tổ chức thực hiện nguồn nhân lực, kinh phí, tài sản và các nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ và Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam: Có Viện trưởng và các Phó Viện trưởng;

1.1) Viện trưởng do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Viện, trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Viện;

1.2) Các Phó Viện trưởng do Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Viện trưởng chịu trách nhiệm trước Viện trưởng, trước pháp luật về lĩnh vực được phân công phụ trách hoặc uỷ quyền.

2. Các Phòng nghiệp vụ:

2.1) Phòng Tổ chức, Hành chính;

2.2) Phòng Kế hoạch, Tài chính;

2.3) Phòng Đào tạo và Hợp tác Quốc tế

3. Các Phòng nghiên cứu khoa học;

3.1) Phòng Thí nghiệm tổng hợp;

3.2) Phòng nghiên cứu thủy công và thủy lực;

3.3) Phòng nghiên cứu vật liệu xây dựng và kết cấu công trình;

3.4) Phòng nghiên cứu nền móng và địa kỹ thuật.

4. Các Trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

4.1) Trung tâm nghiên cứu thủy nông và cấp nước;

4.2) Trung tâm nghiên cứu phát triển hạ tầng kỹ thuật nông thôn;

4.3) Trung tâm nghiên cứu tài nguyên nước;

4.4) Trung tâm nghiên cứu chính trị sông và phòng chống thiên tai;

4.5) Trung tâm nghiên cứu môi trường và xử lý nước thải;

4.6) Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thủy lợi.

Trung tâm nghiên cứu thủy nông và cấp nước, Trung tâm nghiên cứu chính trị sông và phòng chống thiên tai có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc hoặc ngân hàng nhà nước, nhiệm vụ cụ thể của Trung tâm do Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam quy định.

5. Các Doanh nghiệp trực thuộc:

Được thành lập khi có đủ điều kiện và theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Phòng có Trưởng phòng, các Phó Trưởng phòng; Trung tâm có Giám đốc, các Phó Giám đốc Trung tâm,...được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; bãi bỏ các quy định trước đây của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trái với Quyết định này.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Viện trưởng Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam có trách nhiệm tổ chức, sắp xếp lại Viện, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ, xây dựng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện trình Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam ban hành, đăng ký hoạt động của Viện với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra hoạt động của Viện theo quy định, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ thuộc Viện theo phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Viện trưởng Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Văn Phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Công Thương, Tài chính, Xây dựng, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng nhà nước;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công đoàn ngành NN&PTNT;
- Đảng ủy, CĐ&TN cơ quan Bộ;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
- Lưu: VT, TCCB (250b, NTL).



Cao Đức Phát

Số: 604 /QĐ-VKHTLVN

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam

GIÁM ĐỐC VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 594/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Viện Khoa học Thủy lợi và Viện Khoa học thủy lợi miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 55/2008/QĐ-BNN ngày 24 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2862/QĐ-BNN-TCCB ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam;

Theo đề nghị của Thủ trưởng đơn vị và Phó trưởng Ban phụ trách Ban Tổ chức, Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam gồm 5 chương, 26 điều kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Các quy định trước đây về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam trái với quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng Ban: Tổ chức, Hành chính; Kế hoạch, Tổng hợp; Tài chính, Kế toán, Viện trưởng Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /Yes

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ NN&PTNT (dề b/c);
- Lưu TC,HC.



Đào Xuân Học

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CỦA VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 604/QĐ/VKHTLVN-TCHC ngày 21/11/2008
của Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam)

CHƯƠNG I

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

Điều 1: Vị trí của Viện

1.1. Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam trực thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam là tổ chức sự nghiệp khoa học công lập có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc và ngân hàng nhà nước để hoạt động theo quy định của pháp luật; được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức tại Quyết định số 2862/QĐ-BNN-TCCB ngày 18/9/2008.

1.2. Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh:

SOUTHERN INSTITUTE OF WATER RESOURCES RESEARCH; viết tắt là:
SIWRR

1.3. Trụ sở chính tại: 28 Hàm Tử - Phường 1, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Cơ sở 2: Xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 08-39238320; Fax: 08-39235028;

Email: vkhtlmn@hem.vnn.vn ; vkhtlmn@mard.gov.vn

Website: www.siwrr.org.vn

Điều 2: Chức năng của Viện.

Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam có chức năng nghiên cứu khoa học, nghiên cứu khoa học phục vụ các dịch vụ công ích của nhà nước, đào tạo sau đại học, hợp tác quốc tế, tư vấn và chuyên gia công nghệ về lĩnh vực thủy lợi, thủy điện, môi trường và thực hiện các nhiệm vụ của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam tại miền Nam.

Điều 3: Nhiệm vụ chủ yếu của Viện

3.1. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền chiến lược, các chương trình, dự án, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm về khoa học, công nghệ trong lĩnh vực thủy lợi, thủy điện, môi trường của các tỉnh phía Nam; tổ chức thực hiện sau

khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.2. Nghiên cứu cơ bản có định hướng, nghiên cứu ứng dụng tổng hợp về thủy lợi, thủy điện, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu thuộc các tỉnh phía Nam.

3.3. Xây dựng mô hình thử nghiệm; chuyên giao kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ vào sản xuất theo quy định của pháp luật; xây dựng quy trình quản lý vận hành các công trình, hệ thống công trình thủy lợi, thủy sản.

3.4. Cung cấp các dịch vụ tư vấn về quy hoạch, khảo sát, thiết kế, thẩm định, giám sát, quản lý dự án; thí nghiệm thủy lực, vật liệu, kết cấu, nền móng, địa kỹ thuật thuộc các dự án đầu tư xây dựng thủy lợi, thủy điện, thủy sản, hạ tầng kỹ thuật nông thôn và bảo vệ môi trường phù hợp với năng lực ngành nghề, nguồn vốn và trang thiết bị của Viện theo quy định của Luật Xây dựng và pháp luật có liên quan.

3.5. Tham gia biên soạn các quy trình, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức kinh tế, kỹ thuật, trình cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật

3.6. Thông tin khoa học theo quy định của pháp luật.

3.7. Tổ chức sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thuộc lĩnh vực được giao, đầu tư xây dựng các công trình hoặc hạng mục công trình thuộc dự án đầu tư phát triển công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật.

3.8. Hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, thử nghiệm kỹ thuật mới, đào tạo nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực được giao theo quy định của pháp luật.

3.9. Tham gia đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ có trình độ cao; tổ chức đào tạo sau đại học theo các chuyên ngành được cơ quan có thẩm quyền công nhận, liên kết đào tạo đại học về chuyên ngành thủy lợi, thủy điện và môi trường theo quy định của pháp luật.

3.10. Làm nhiệm vụ cầu nối của các đơn vị thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam với các địa phương ở các tỉnh phía Nam để giải quyết các vấn đề khoa học, công nghệ về thủy lợi, thủy điện và bảo vệ môi trường.

3.11. Tham gia các hoạt động về phòng chống úng ngập, hạn hán, xâm nhập mặn, bão lụt, giảm thiểu thiên tai, sa mạc hóa tại các tỉnh phía Nam thuộc nhiệm vụ của Bộ.

3.12. Quản lý và tổ chức thực hiện nguồn nhân lực, kinh phí, tài sản và các nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ và Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam giao.

Điều 4. Nội dung nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chủ yếu của Viện.

4.1) Chiến lược phát triển thủy lợi ở các tỉnh phía Nam trong tổng thể chiến lược phát triển thủy lợi Quốc gia;

4.2) Quy hoạch phát triển và quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên đất, nước ở các lưu vực sông phía Nam;

4.3) Chinh trị sông, bảo vệ bờ sông, phòng chống lũ, lụt và giảm nhẹ thiên tai;

4.4) Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến nguồn nước, quy hoạch, xây dựng và vận hành hệ thống thủy lợi, đê điều, thủy sản, nông nghiệp, nông thôn.

4.5) Thủy nông cải tạo đất, môi trường, xử lý nước; quản lý tưới có sự tham gia của cộng đồng; thủy lợi phục vụ thủy sản, quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, thủy điện;

4.6) Công nghệ xây dựng công trình thủy lợi;

4.7) Vật liệu xây dựng, kết cấu công trình;

4.8) Nền móng và địa kỹ thuật;

4.9) Thủy công, thủy lực và mô hình vật lý các công trình thủy lợi, thủy điện;

4.10) Công nghệ thông tin và tự động hóa các hệ thống thủy lợi.

CHƯƠNG II

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 5. Tổ chức bộ máy của Viện

5.1. Lãnh đạo Viện: có Viện trưởng và các Phó Viện trưởng.

Viện trưởng do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Viện, trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Viện;

Các Phó Viện trưởng do Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Viện trưởng, chịu trách nhiệm trước Viện trưởng, trước pháp luật về lĩnh vực được phân công phụ trách hoặc ủy quyền.

5.2. Các tổ chức cấu thành:

a. Các phòng chức năng

- Phòng Tổ chức, Hành chính
- Phòng Kế hoạch- Tài chính
- Phòng Đào tạo và hợp tác quốc tế

b. Các Phòng nghiên cứu khoa học:

- Phòng Thí nghiệm tổng hợp
- Phòng nghiên cứu Thủy công và thủy lực
- Phòng nghiên cứu Vật liệu xây dựng và Kết cấu công trình.
- Phòng nghiên cứu Nền móng và Địa kỹ thuật
- Phòng nghiên cứu Động lực sông và công trình bảo vệ bờ

c. Các Trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

- Trung tâm nghiên cứu Thủy nông và cấp nước;
- Trung tâm nghiên cứu Phát triển hạ tầng kỹ thuật nông thôn;
- Trung tâm nghiên cứu Tài nguyên nước;

- Trung tâm nghiên cứu Chính trị sông và phòng chống thiên tai;
- Trung tâm nghiên cứu Môi trường và xử lý nước thải;
- Trung tâm nghiên cứu Ứng dụng và Phát triển công nghệ Thủy lợi

Trung tâm nghiên cứu Thủy nông và cấp nước; Trung tâm nghiên cứu Chính trị sông và phòng chống thiên tai có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc hoặc ngân hàng nhà nước; nhiệm vụ cụ thể của trung tâm do Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam quy định.

d. Doanh nghiệp khoa học công nghệ trực thuộc Viện

- Công ty Tư vấn, đầu tư, xây dựng và Chuyển giao công nghệ thủy lợi

Các Phòng chức năng có nhiệm vụ tham mưu cho Viện trưởng trong công tác quản lý theo từng lĩnh vực được phân công.

Các Trung tâm, Phòng chuyên môn, Phòng thí nghiệm trực thuộc Viện hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ theo chương trình, kế hoạch do Viện trưởng chỉ đạo theo kế hoạch được Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.

Trung tâm, Công ty và Phòng thí nghiệm có Giám đốc và các Phó Giám đốc; Phòng có Trưởng phòng và Phó trưởng phòng được Viện trưởng bổ nhiệm có thời hạn, miễn nhiệm theo phân cấp hiện hành.

Điều 6: Tổ chức Đảng cơ sở

Tổ chức Đảng cơ sở là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở đơn vị, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, lãnh đạo Viện hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, lãnh đạo công tác quy hoạch cán bộ và bố trí sử dụng cán bộ của Viện. Mọi quan hệ giữa Đảng, chính quyền, công đoàn được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 7: Hội đồng Khoa học, Hội đồng chuyên môn và các Hội đồng tư vấn khác

7.1. Hội đồng Khoa học Viện là tổ chức tư vấn cho Viện trưởng trong việc định hướng chiến lược hoạt động khoa học công nghệ của Viện trong các lĩnh vực được giao, xây dựng căn cứ khoa học, xem xét quyết định các vấn đề về nội dung khoa học công nghệ, tổ chức thực hiện, tham gia quản lý khoa học công nghệ, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, công tác tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ và các hoạt động liên quan khác của Viện.

Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ và Viện khoa học thủy lợi Việt Nam

Hội đồng khoa học của Viện do Viện trưởng thành lập, bao gồm các thành viên là các nhà khoa học, các cán bộ nghiên cứu có trình độ và uy tín.

7.2. Hội đồng chuyên môn và các Hội đồng tư vấn khác (như thi đua, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, tuyển dụng, nâng lương, nâng ngạch, thẩm tra thẩm định, nghiệm thu, chức danh cơ sở...) do Viện trưởng Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam thành lập khi có yêu cầu công việc cụ thể.

Điều 8: Về thẩm quyền thành lập và giải thể các đơn vị trực thuộc Viện; ban hành Điều lệ hoạt động của Viện và các đơn vị trực thuộc Viện.

8.1. Viện trưởng trình Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam quyết định thành lập, sáp nhập và giải thể các tổ chức trực thuộc Viện.

8.2. Viện trưởng trình Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện.

Viện trưởng ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động, nội quy, quy chế làm việc của các đơn vị thuộc Viện.

8.3. Viện trưởng quy định về mối quan hệ trách nhiệm giữa các chuyên ngành, các Trung tâm, các Phòng chuyên môn và Phòng chức năng nhằm phát huy năng lực tổng hợp của Viện và cán bộ nghiên cứu trong quá trình hoạt động khoa học công nghệ.

Điều 9: Chức năng và nhiệm vụ cụ thể của các tổ chức thuộc Viện

9.1. Phòng Tổ chức, Hành chính:

+ Về tổ chức cán bộ

- Tham mưu cho Viện trưởng thực hiện Pháp lệnh cán bộ công chức và pháp luật liên quan đến công tác cán bộ, viên chức và người lao động;

- Quản lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tuyển dụng, bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, nâng ngạch, chuyển ngạch, quản lý lưu trữ hồ sơ cán bộ viên chức- lao động; công tác nhận xét đánh giá cán bộ viên chức hàng năm theo quy định; công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ viên chức và người lao động; công tác khen thưởng, kỷ luật, điều động, luân chuyển, biệt phái...theo quy định của pháp luật;

- Chủ trì thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo phát triển lực lượng cán bộ lãnh đạo và nguồn nhân lực khoa học công nghệ của Viện theo kế hoạch của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;

- Quản lý về mặt tổ chức công tác đào tạo sau đại học;

- Lao động tiền lương, các chế độ BHXH, BHYT, nghỉ hưu;

- Bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ cơ quan, đoàn ra, đoàn vào;

- Thường trực công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Viện;

- Thường trực các Hội đồng tư vấn của Viện thuộc chức năng của Phòng.

+ Về hành chính, quản trị

- Công tác văn thư lưu trữ, lễ tân;

- Quản trị công sở, đất đai, hệ thống điện nước, thông tin liên lạc, phương tiện làm việc và các tài sản khác thuộc Viện, sửa chữa xây dựng nhỏ;

- Quản lý phương tiện vận chuyển;

- Y tế, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động.

9.2. Phòng Kế hoạch, Tài chính

+ Về kế hoạch tổng hợp

- Xây dựng chiến lược phát triển của Viện, xây dựng kế hoạch dài hạn, ngắn hạn về khoa học công nghệ, kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và các kế

hoạch khác của Viện phù hợp với tổng thể chiến lược khoa học công nghệ chung của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;

- Quản lý tổng hợp về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ kỹ thuật;

- Quản lý thư viện, công tác thông tin khoa học, xuất bản, triển lãm, hội nghị. Quản lý trang tin điện tử của Viện, mạng internet của Viện;

- Lưu trữ tư liệu khoa học kỹ thuật, lưu trữ kết quả đề tài, dự án, cơ sở dữ liệu khoa học công nghệ;

- Quản lý các dự án tăng cường trang thiết bị khoa học kỹ thuật. Quản lý điều phối vật tư thiết bị công nghệ của Viện;

- Tổng hợp và điều phối các chương trình hoạt động của Viện;

- Tham gia Ban Thường trực Hội đồng khoa học của Viện.

+ *Về tài chính kế toán*

- Quản lý hoạt động tài chính kế toán của Viện theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, quyết toán tài chính;

- Quản lý các nguồn kinh phí của Viện để hoạt động tài chính có hiệu quả;

- Quản lý tài sản cố định (khấu hao, hao mòn và thanh lý tài sản, kiểm kê đánh giá tài sản...);

- Thực hiện các nghĩa vụ thuế và quyết toán thuế;

- Hướng dẫn các đơn vị có pháp nhân trực thuộc Viện về công tác tài chính kế toán;

- Thực hiện các công tác khác liên quan tới tài chính.

9.3. Phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế:

+ *Về đào tạo*

- Quản lý về chuyên môn công tác đào tạo sau Đại học, đào tạo bồi dưỡng cán bộ;

- Theo dõi và phối hợp với các đơn vị trong việc đào tạo các lớp chuyên môn ngắn hạn, hướng dẫn sinh viên thực tập và các nhiệm vụ đào tạo khác trong và ngoài nước.

+ *Về hợp tác quốc tế*

- Xúc tiến xây dựng và triển khai các chương trình hợp tác khoa học, các dự án trong và ngoài nước, tham mưu cho Viện liên kết với các tổ chức quốc tế nhằm đẩy mạnh triển khai khoa học công nghệ về các lĩnh vực thủy lợi và môi trường;

- Khai thác sự hỗ trợ công nghệ, kỹ thuật và tài chính của các tổ chức quốc tế nhằm nâng cao năng lực và thúc đẩy phát triển sự nghiệp khoa học công nghệ của Viện trong quá trình hội nhập;

- Tư vấn, triển khai, làm cầu nối cho Viện và các đơn vị chuyên môn thuộc Viện với các tổ chức quốc tế trong các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ;

- Hợp tác, tổ chức các hội thảo, hội nghị quốc tế về khoa học công nghệ trong lĩnh vực thủy lợi, môi trường;

- Hợp tác đào tạo sau đại học với các Viện và trường đại học nước ngoài.

9.4 Phòng Thí nghiệm tổng hợp:

- Thí nghiệm trong các lĩnh vực thủy lực; động lực học sông; sóng triều và dòng chảy; vật liệu xây dựng; nền móng địa kỹ thuật; hóa môi trường và xử lý nước thải;

- Nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực thí nghiệm trên;

- Phối hợp đào tạo đại học, sau đại học trong và ngoài nước về các lĩnh vực trên;

- Hợp tác trong nước và quốc tế.

9.5. Phòng nghiên cứu Thủy công và Thủy lực:

- Nghiên cứu mô hình toán, giải quyết các bài toán thủy lực và môi trường.

- Nghiên cứu chung về công trình thủy lợi. Nghiên cứu cơ sở khoa học và các giải pháp, biện pháp sửa chữa, nâng cấp, đảm bảo an toàn các công trình thủy lợi;

- Nghiên cứu thủy lực trong lĩnh vực tài nguyên nước, công trình thủy lợi, thủy điện;

- Nghiên cứu, thí nghiệm các mô hình vật lý về thủy lực và thủy công phục vụ xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện...;

- Nghiên cứu, tư vấn và lắp đặt các hệ thống quan trắc công trình (quan trắc lún, biến dạng, khả năng làm việc...). Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới trong xây dựng thủy lợi;

- Thực hiện các điều tra cơ bản liên quan đến công trình thủy lợi, dòng chảy, thủy lực, chế độ nước...; tư vấn quy hoạch, xây dựng, thẩm định về công trình thủy lợi;

- Xây dựng quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, hướng dẫn thiết kế về thủy công;

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, sinh viên, sau đại học về lĩnh vực thủy công và thủy lực;

9.6. Phòng nghiên cứu Vật liệu xây dựng và Kết cấu công trình:

- Nghiên cứu sử dụng tối ưu các loại vật liệu xây dựng, đáp ứng các yêu cầu thiết kế, điều kiện thi công khác nhau;

- Nghiên cứu chế tạo và ứng dụng các loại vật liệu mới vào xây dựng, sửa chữa công trình thủy lợi (phụ gia bê tông chống ăn mòn trong môi trường chua, mặn; các loại vật liệu dùng cho khoan phụt, sửa chữa, nâng cấp công trình, xử lý nền móng...)

- Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ mới (bê tông thi công trong nước, bê tông khối lớn, bê tông tự lèn, công nghệ kiểm tra sửa chữa và phục hồi các công trình bê tông...);

- Nghiên cứu về kết cấu công trình;

- Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bê tông và VLXD

- Tư vấn thí nghiệm cấp phối bê tông và vữa phục vụ xây dựng công trình; Kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng, đánh giá chất lượng công trình xây dựng thủy lợi và dân dụng.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, sinh viên về lĩnh vực vật liệu xây dựng.

9.7. Phòng nghiên cứu Nền móng và Địa kỹ thuật

*** Lĩnh vực nền móng**

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới trong xử lý nền móng công trình;

- Nghiên cứu giải pháp nền móng trong xây dựng và quản lý công trình thủy lợi, thủy điện, xây dựng dân dụng và giao thông;

- Nghiên cứu thí nghiệm lựa chọn vật liệu cho nền móng công trình thủy lợi, thủy điện và dân dụng;

- Nghiên cứu xây dựng qui trình, qui phạm về lĩnh vực nền móng;

- Thực hiện tư vấn về khảo sát, thí nghiệm địa chất công trình, kiểm tra chất lượng công trình;

- Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, sinh viên về lĩnh vực nền móng công trình.

*** Lĩnh vực Địa kỹ thuật:**

- Nghiên cứu địa chất công trình, địa chất động lực, ứng dụng công nghệ tiên tiến để xác định tính chất cơ lý của đất đá và vật liệu địa kỹ thuật tổng hợp xây dựng công trình thủy lợi. Nghiên cứu giải quyết các vấn đề địa kỹ thuật công trình thủy lợi bằng mô hình toán;

- Nghiên cứu, bổ sung và xây dựng các qui trình qui phạm về Địa kỹ thuật;

- Nghiên cứu ảnh hưởng của điều kiện địa chất thủy văn đến tính chất cơ lý của đất đá và sự ổn định của công trình thủy lợi;

- Thực hiện tư vấn và dịch vụ kỹ thuật về lĩnh vực Địa kỹ thuật xây dựng. Khảo sát địa kỹ thuật công trình thủy và xây dựng, thí nghiệm lựa chọn vật liệu địa kỹ thuật tổng hợp cho xây dựng công trình...; kiểm định chất lượng công trình thủy lợi và dân dụng trong lĩnh vực Địa kỹ thuật xây dựng;

- Thử nghiệm trong phòng và hiện trường các chỉ tiêu cơ lý của đất, đá, vật liệu địa kỹ thuật tổng hợp trong lĩnh vực địa kỹ thuật xây dựng; nghiên cứu thiết bị để xác định các thông số địa kỹ thuật của đất đá.

- Đào tạo sau đại học, đại học, thí nghiệm viên, bồi dưỡng cán bộ về lĩnh vực địa kỹ thuật xây dựng;

9.8. Phòng nghiên cứu Động lực sông và công trình bảo vệ bờ:

- Nghiên cứu các vấn đề thuộc diễn biến lòng sông ở trạng thái tự nhiên và sau khi có công trình, quy luật hình thái sông; động lực dòng sông; sự ổn định và phát triển các cù lao trên sông; nghiên cứu thủy văn: sóng, gió, triều sông...

- Nghiên cứu ứng dụng các vật liệu mới, công nghệ mới trong thiết kế, thi công công trình bảo vệ bờ.

- Nghiên cứu công trình chống xói lở, ổn định bờ sông, thông qua thí nghiệm các mô hình vật lý và mô hình toán, nghiên cứu các vấn đề thuộc động lực sông, diễn biến lòng dẫn, quy hoạch, thiết kế công trình bảo vệ tổng thể và cục bộ bờ sông.

- Tư vấn kỹ thuật, giám sát, thẩm tra các dự án, công trình thuộc lĩnh vực động lực sông và công trình bảo vệ bờ.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, sinh viên đại học, sau đại học về các lĩnh vực trên.

9.9. Trung tâm Nghiên cứu Thủy nông và cấp nước

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu, các dự án, chương trình điều tra cơ bản trong lĩnh vực thủy nông, cải tạo đất, cấp thoát nước và bảo vệ tài nguyên môi trường đất và nước ở các tỉnh phía Nam;

- Nghiên cứu xây dựng cơ sở khoa học và công cụ tính toán cho việc lập quy hoạch, quản lý khai thác, sử dụng bền vững, phòng chống suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm nguồn tài nguyên nước và đất trên các vùng sinh thái;

- Nghiên cứu đánh giá tác động môi trường của các dự án thủy lợi và các dự án liên quan đến nguồn nước;

- Điều tra đánh giá nguồn tài nguyên đất - nước; xây dựng các chương trình quản lý môi trường đất, nước cho các lưu vực sông, các dự án thủy lợi và dự án liên quan đến nước;

- Nghiên cứu kiểm soát và dự báo xâm nhập mặn; dự báo ô nhiễm nguồn nước và đất;

- Nghiên cứu các biện pháp quản lý, sử dụng hợp lý các loại đất có vấn đề ở miền Nam phục vụ cho phát triển sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản;

- Nghiên cứu quản lý, lập các dự án tưới có sự tham gia của người dân (PIM);

- Lập các dự án đầu tư, khảo sát, quy hoạch, thiết kế và các dịch vụ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về hệ thống công trình thủy nông, cấp nước, hệ thống nông nghiệp có tưới - tiêu, hệ thống nuôi trồng thủy sản, dự án cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn ở các tỉnh phía Nam;

- Thực hiện đào tạo sau đại học, tham gia đào tạo bồi dưỡng cán bộ, sinh viên về lĩnh vực tài nguyên nước và môi trường;

- Hợp tác với các Trường, Viện, các địa phương, các nhà khoa học trong và ngoài nước về nghiên cứu khoa học, đào tạo và chuyển giao kỹ thuật.

9.10. Trung tâm Phát triển hạ tầng Kỹ thuật nông thôn:

- Thực hiện các đề tài nghiên cứu, các dự án, chương trình điều tra cơ bản trong lĩnh vực cấp thoát nước, giao thông nông thôn và công trình hạ tầng kỹ thuật thủy lợi phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn ở các tỉnh phía Nam.

- Thực hiện các dịch vụ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới về cấp thoát nước, giao thông nông thôn và công trình thủy lợi.

- Khảo sát, quy hoạch, lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật các công trình cấp thoát nước, giao thông nông thôn, hạ tầng kỹ thuật nông thôn và công trình thủy lợi - thủy sản.

- Lập các dự án quy hoạch, chỉnh trang khu dân cư nông thôn phù hợp các vùng sinh thái theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư và nghiên cứu các giải pháp xử lý.
- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, sinh viên về các lĩnh vực trên.
- Hợp tác với các trường đại học, các Viện, các địa phương, các nhà khoa học trong và ngoài nước trong nghiên cứu khoa học, đào tạo và chuyển giao công nghệ.

9.11. Trung tâm nghiên cứu Tài nguyên nước

- Nghiên cứu xây dựng cơ sở khoa học cho việc qui hoạch, khai thác, quản lý tài nguyên nước; đánh giá trữ lượng nước, tính toán cân bằng nước các dự án thủy lợi, các vùng sinh thái và lưu vực sông.

- Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật và bước đi thích hợp cho việc khai thác, sử dụng bền vững, phòng chống suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm nguồn tài nguyên nước; giải pháp quản lý tổng hợp lưu vực sông, bảo đảm khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và bền vững tài nguyên nước;

- Nghiên cứu nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi, các biện pháp khắc phục sự cố phát sinh trong quá trình khai thác;

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ quản lý, khai thác tài nguyên nước và công trình thủy lợi;

- Lập các dự án quy hoạch, đầu tư, thiết kế kỹ thuật, quy trình quản lý vận hành công trình thủy lợi;

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, sinh viên về công nghệ quản lý tài nguyên nước.

9.12. Trung tâm nghiên cứu Chính trị sông và Phòng chống thiên tai:

- Nghiên cứu động lực dòng sông (thủy văn, thủy lực mạng lưới sông, quy luật vận chuyển bùn cát, xói bồi và quy luật biến đổi lòng dẫn), và các vấn đề về hình thái sông.

- Nghiên cứu xói bồi và diễn biến lòng dẫn ở thượng lưu đập, hồ chứa.

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp chính trị sông.

- Nghiên cứu các biện pháp phòng tránh, khắc phục hậu quả, giảm nhẹ thiên tai do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, lũ, bão, hạn hán, động đất, sóng thần... gây ra.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới vào công trình bảo vệ bờ.

- Nghiên cứu những vấn đề cơ bản chuyên sâu về chính trị và động lực học sông, dự báo thiên tai bằng mô hình vật lý, mô hình toán.

- Thực hiện các dự án tư vấn kỹ thuật trong lĩnh vực chính trị sông và phòng chống thiên tai.

- Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, sinh viên đại học, sau đại học về các lĩnh vực chính trị sông và phòng tránh thiên tai.

9.13. Trung tâm nghiên cứu Môi trường và Xử lý nước thải

- Thực hiện các đề tài/dự án nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản trong lĩnh vực cải tạo đất, bảo vệ tài nguyên môi trường nước.

- Nghiên cứu đánh giá tác động môi trường cho các dự án. Nghiên cứu xây dựng các chương trình quản lý cơ sở dữ liệu môi trường đất, nước cho các lưu vực sông, vùng trọng điểm.

- Nghiên cứu các biện pháp kiểm soát và dự báo tình hình ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm đất trong quá trình khai thác. Nghiên cứu quản lý chất xả thải công nghiệp và nông nghiệp và hoạt động của các làng nghề.

- Nghiên cứu các biện pháp quản lý, cải tạo, sử dụng hợp lý các loại đất có vấn đề ở các tỉnh phía Nam.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới về xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nước thải nông nghiệp, nước thải do nuôi trồng thủy sản và chất thải từ các làng nghề.

- Nghiên cứu chuyển giao công nghệ, sản xuất thử nghiệm các sản phẩm phục vụ cho nghiên cứu và bảo vệ môi trường.

- Kiểm định các thông số hóa lý, vi sinh và thủy sinh vật mẫu nước; các thông số hóa học và cơ lý mẫu đất phục vụ các đề tài, dự án và công trình xây dựng. Lập các dự án qui hoạch cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, sinh viên về kỹ thuật môi trường, xử lý nước thải, nước cấp và kỹ thuật viên phân tích hóa - lý trong phòng thí nghiệm và ngoài hiện trường.

9.14. Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và Phát triển công nghệ thủy lợi

- Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về công nghệ và vật liệu mới trong xây dựng công trình thủy lợi.

- Thực hiện các đề tài khoa học, các dự án điều tra cơ bản, dự án sản xuất thử, thử nghiệm để đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

- Hợp tác với các cơ quan khoa học, các đơn vị trong và ngoài nước về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ việc quản lý và phát triển thủy lợi.

- Ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ vào thực tiễn.

- Tư vấn xây dựng; thẩm tra, đánh giá hiệu quả đầu tư các công trình thủy lợi.

- Đào tạo sau đại học, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, sinh viên trong việc ứng dụng và phát triển công nghệ thủy lợi.

9.15. Công ty Tư vấn, đầu tư xây dựng và Chuyển giao công nghệ thủy lợi:

- Tư vấn, đầu tư và xây dựng công trình thủy lợi - thủy điện, thủy lợi phục vụ thủy sản, công trình bảo vệ bờ, công trình thoát nước, công trình giao thông, dân dụng và hạ tầng cơ sở nông thôn.

- Thẩm tra dự án đầu tư, kiểm định chất lượng công trình xây dựng, kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình; tư vấn và dịch vụ trong lĩnh vực thủy văn môi trường.

- Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, kỹ thuật mới, công nghệ mới vào công tác thiết kế, thi công và quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Thi công xây lắp công trình thủy lợi, thủy điện, cầu đường giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng thuộc dự án thủy lợi và hạ tầng cơ sở nông thôn, môi trường, thủy sản. Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, vật liệu mới trong xây dựng thủy lợi.

- Liên kết, sản xuất các vật liệu mới ứng dụng trong xây dựng thủy lợi, thủy điện.

- Tham gia nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực có liên quan.

- Xuất nhập khẩu, kinh doanh vật tư, thiết bị khoa học công nghệ, thiết bị kỹ thuật phục vụ xây dựng thủy lợi, thủy điện.

- Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, hướng dẫn sinh viên phù hợp chuyên ngành của công ty.

CHƯƠNG III

CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA VIỆN

Điều 10: Chế độ quản lý chung

10.1. Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam là đơn vị sự nghiệp khoa học công lập trực thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, được sử dụng con dấu và mở tài khoản riêng. Chế độ quản lý của Viện tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế làm việc của Bộ, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.

10.2. Viện quản lý tài chính theo quy định của Luật Ngân sách, Luật Kế toán và các chế độ tài chính hiện hành.

10.3. Viện hoạt động khoa học, công nghệ và dịch vụ kỹ thuật theo cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm quy định tại Nghị định 115/2005/ND-CP ngày 5/9/2005 của Chính phủ.

Điều 11: Về quản lý hoạt động khoa học công nghệ

11.1. Xây dựng và trình Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam và Bộ xét duyệt kế hoạch khoa học - công nghệ, đăng ký tuyển chọn các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản, thiết kế quy hoạch của Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố.

11.2. Viện được quan hệ với các địa phương, các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước trong nhận thầu, tổ chức thực hiện các đề tài và dự án nghiên cứu khoa học theo quy định của pháp luật.

11.3. Viện trưởng quản lý kế hoạch khoa học công nghệ trên cơ sở những chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học thống nhất và đồng bộ với công tác quản lý tài chính, lao động, tiền lương.

11.4. Các đơn vị thuộc Viện được sử dụng Giấy đăng ký hoạt động khoa học công nghệ và Giấy đăng ký kinh doanh của Viện để tham gia đấu thầu, tuyển chọn, ký kết hợp đồng với các đối tác theo quy định của pháp luật.

11.5. Viện quản lý thống nhất mọi hoạt động khoa học công nghệ bao gồm nghiên cứu, sản xuất thử, dịch vụ, chuyển giao công nghệ từ xây dựng kế hoạch, đề cương thực hiện cho đến đánh giá nghiệm thu kết quả và công bố phổ biến áp dụng theo các

quy định hiện hành, đồng thời thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ báo cáo theo quy định về quản lý khoa học công nghệ của Bộ và Nhà nước.

11.6. Viện trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, và các cơ quan có thẩm quyền về chất lượng các công trình, đề tài cấp địa phương, cấp Bộ và cấp Nhà nước do Viện thực hiện; chịu trách nhiệm với các bên hữu quan về chất lượng các sản phẩm khoa học công nghệ theo các hợp đồng kinh tế.

11.7. Đối với những hoạt động khoa học công nghệ của Viện có liên quan đến các công trình, các vấn đề thuộc an ninh quốc gia, trước khi thực hiện Viện phải báo cáo Bộ trưởng, Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam và các cấp có liên quan.

11.8. Viện phải xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ đáp ứng với yêu cầu phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Điều 12: Quản lý kết quả nghiên cứu Khoa học công nghệ và sản xuất kinh doanh

12.1. Sản phẩm khoa học công nghệ bao gồm các công trình nghiên cứu khoa học (các kết quả đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án, đề án v.v...), các sáng chế phát minh, cải tiến công nghệ, kết quả hoạt động tư vấn v.v... là tài sản của Viện thuộc sở hữu Nhà nước và được lưu trữ tại Viện theo chế độ bảo mật, được đăng ký sở hữu trí tuệ và sử dụng, công bố theo quy định của pháp luật.

12.2. Các đơn vị và cá nhân thuộc Viện khi có yêu cầu sử dụng các sản phẩm khoa học- công nghệ của Viện phải được Viện trưởng đồng ý, không được tự ý cung cấp cho người khác, đơn vị khác.

12.3. Các đơn vị cá nhân ngoài Viện có nhu cầu sử dụng sản phẩm khoa học công nghệ của Viện phải được phép của Viện trưởng và tuân thủ các quy định bảo mật tài liệu khoa học công nghệ và tuân thủ các quy định về sở hữu trí tuệ.

12.4. Các sản phẩm khoa học công nghệ từ kết quả nghiên cứu của Viện được sử dụng như sau:

+ Sau khi nghiệm thu đề tài/dự án nghiên cứu, Viện tổ chức chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp khác có nhu cầu hoặc địa phương áp dụng sản xuất đại trà và được hưởng các quyền lợi vật chất, tinh thần theo quy định của Nhà nước.

+ Viện tổ chức sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm là kết quả nghiên cứu khoa học của Viện theo quy định hiện hành của pháp luật.

+ Viện được phép liên kết sản xuất kinh doanh với các doanh nghiệp theo qui định nhằm chuyển giao công nghệ về kết quả nghiên cứu của mình vào sản xuất và tiêu thụ sản phẩm mới, chất lượng cao.

12.5. Hoạt động khoa học công nghệ của Viện chịu sự hướng dẫn kiểm tra và quản lý thống nhất của các cơ quan Nhà nước và Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, thể hiện trong các nội dung chủ yếu như sau:

- Xây dựng kế hoạch nghiên cứu, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, tham gia dự tuyển các hoạt động khoa học công nghệ cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp địa phương.

- Xây dựng kế hoạch khoa học công nghệ cấp Viện.
- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học chuyên giao công nghệ và các hoạt động khoa học công nghệ khác thuộc chức năng của Viện.
- Tạo điều kiện cho các cơ quan quản lý các cấp tổ chức kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu, công bố kết quả các đề tài, dự án, công trình khoa học.
- Tổ chức đánh giá, nghiệm thu, công bố kết quả các đề tài, công trình nghiên cứu và hoạt động khoa học công nghệ do Viện quản lý.

Điều 13: Về quản lý nhân lực

13.1. Viện thực hiện quản lý cán bộ viên chức theo quy định của Pháp lệnh cán bộ công chức và các quy định của pháp luật có liên quan về cán bộ, viên chức và người lao động. Biên chế của Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam gồm cán bộ, viên chức được hưởng lương từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật. Chỉ tiêu định biên hàng năm của Viện được Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam phê duyệt.

13.2. Viện thực hiện quy định về phân cấp quản lý và hướng dẫn tuyển dụng cán bộ của Bộ, của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.

Việc tuyển dụng cán bộ, viên chức tuân thủ nguyên tắc công khai, minh bạch về số lượng, tiêu chuẩn, hình thức và kết quả tuyển dụng.

13.3. Đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ của Viện bao gồm các cán bộ kỹ thuật, nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính và nghiên cứu viên cấp cao với tỷ lệ cân đối và chất lượng phù hợp với nhiệm vụ được giao.

13.4. Việc quản lý cán bộ viên chức được thực hiện theo Bộ Luật Lao động và Pháp lệnh cán bộ công chức và phân cấp quản lý của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.

13.5. Cán bộ viên chức của Viện căn cứ vào nhiệm vụ được giao phải định hướng phấn đấu, xây dựng chương trình kế hoạch hàng năm, ngắn hạn và dài hạn về bồi dưỡng, học tập, nghiên cứu, và định kỳ báo cáo trước đơn vị công tác, Hội đồng Khoa học Viện về tiến độ hoặc kết quả thực hiện của mình. Số lượng và chất lượng các công trình khoa học, kết quả nghiên cứu định kỳ là yêu cầu bắt buộc của từng nghiên cứu viên, nếu sau 5 năm ngạch nghiên cứu không đáp ứng yêu cầu theo quy định của nghiên cứu thì phải nhận công tác khác tương xứng với năng lực hiện có.

Điều 14: Về công tác tổ chức cán bộ

14.1. Việc quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chuyển ngạch, nâng bậc lương, luân chuyển, từ chức và miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, hưu trí thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ do cấp ủy Đảng và Viện trưởng thực hiện theo quy định tổ chức cán bộ của Bộ và của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.

14.2. Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ và nhu cầu cán bộ, Viện xây dựng chức danh tiêu chuẩn, định mức, cơ cấu biên chế. Sau khi chuyển đổi hoạt động theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP, Viện được chủ động quyết định kế hoạch biên chế, quỹ tiền lương theo từng ngạch.

14.3. Viện trưởng có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng nội quy, quy chế làm việc, kỷ luật lao động, an toàn lao động và bảo vệ trật tự an ninh cơ quan.

14.4. Viện trưởng có trách nhiệm thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội cho cán bộ công chức, viên chức theo quy định. Viện được xây dựng các quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, khen thưởng và phúc lợi để phục vụ phát triển khoa học và cải thiện đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ, công chức người lao động phù hợp với quy định của pháp luật.

14.5. Viện trưởng được mời chuyên gia trong và ngoài nước đến làm việc tại Viện; cử cán bộ đi đào tạo và làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

14.6. Viện trưởng ban hành quy chế quản lý, chế độ đãi ngộ vật chất thích hợp nhằm khuyến khích lao động sáng tạo, phát triển tài năng trong hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ nghiên cứu.

Điều 15. Về quản lý tài chính

15.1. Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam là đơn vị tài chính trực thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam. Viện quản lý tài chính theo quy định của Luật ngân sách, Luật Kế toán và các quy định khác của pháp luật.

15.2. Nguồn thu tài chính của Viện bao gồm:

+ Kinh phí do ngân sách nhà nước cấp (gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ do các cơ quan nhà nước giao; kinh phí hoạt động thường xuyên; vốn đầu tư xây dựng cơ bản; vốn đối ứng dự án; kinh phí mua sắm trang thiết bị; kinh phí xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn tài sản cố định...)

+ Các nguồn thu sự nghiệp (gồm thu từ hoạt động cung ứng dịch vụ; thu từ hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hợp đồng chuyên gia công nghệ; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh và các nguồn thu sự nghiệp khác...).

+ Vốn viện trợ, quà biếu, quà tặng của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

+ Nguồn tài chính khác (gồm vốn khấu hao TSCĐ, thanh lý tài sản được để lại theo quy định; vốn huy động của các cá nhân, vốn vay các tổ chức tín dụng, các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

15.3. Quản lý chi tiêu:

+ Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, chi lương và hoạt động bộ máy, trích lập các quỹ; chi khác theo quy định của pháp luật.

+ Các khoản chi tiêu của Viện đảm bảo công khai, minh bạch, đúng chế độ, mục đích, phù hợp Quy chế chi tiêu nội bộ.

15.4. Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện được xây dựng trên cơ sở thảo luận dân chủ công khai và được thông qua tại Hội nghị cán bộ viên chức của đơn vị bằng hình thức bỏ phiếu kín với ít nhất 2/3 số đại biểu chính thức đồng ý. Sau khi có quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, Viện trưởng phải gửi Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam để báo cáo và gửi Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi.

Điều 16. Về quản lý tài sản

16.1. Tài sản của Viện bao gồm: đất đai, nhà xưởng, cơ sở thí nghiệm, trạm thực nghiệm, thiết bị nghiên cứu, thí nghiệm và các tài sản khác được Nhà nước giao hoặc từ nguồn kinh phí Nhà nước đều thuộc sở hữu Nhà nước. Viện quản lý sử dụng các tài sản đó với mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất kinh doanh theo đề án chuyển đổi

tổ chức và hoạt động theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP.

- Viện trưởng, thủ trưởng các đơn vị và công chức, người lao động thuộc Viện có trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản đó, đồng thời không ngừng bổ sung, nâng cấp, đổi mới để đáp ứng nhu cầu phát triển của Viện.

- Việc tính khấu hao, hạch toán, nhượng bán, cho thuê, thanh lý, thay đổi mục đích sử dụng tài sản thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

16.2. Viện trưởng được duyệt mua sắm các thiết bị thí nghiệm từ nguồn kinh phí tự có và tổ chức quản lý sử dụng phù hợp với pháp luật hiện hành.

16.3. Tài sản của Viện được theo dõi trên sổ sách kế toán, được kiểm kê, báo cáo theo qui định.

Điều 17: Về kế toán - thống kê

17.1. Viện được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng để hoạt động. Viện trưởng là chủ tài khoản của Viện.

17.2. Ngoài kinh phí cấp từ nguồn ngân sách Nhà nước, Viện được chủ động tạo nguồn để phục vụ nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đào tạo, cải thiện đời sống cho cán bộ công chức theo quy định.

17.3. Viện thực hiện quản lý tập trung thống nhất tài chính Kế toán, thống kê đối với các nguồn kinh phí theo Luật kế toán, đảm bảo sử dụng có hiệu quả và đúng pháp luật.

17.4. Viện thực hiện chế độ quản lý tài chính theo cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm quy định tại Nghị định 115/2005/NĐ-CP.

Điều 18. Về công tác đào tạo

18.1. Viện có trách nhiệm xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiên cứu, quản lý cho đội ngũ cán bộ, đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ của Viện.

18.2. Viện thực hiện công tác đào tạo sau Đại học theo kế hoạch của ngành, của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam và chỉ tiêu do Bộ Giáo dục và Đào tạo giao.

18.3. Viện được phối hợp với các trường Đại học, các cơ quan nghiên cứu trong và ngoài nước để nghiên cứu khoa học và liên kết đào tạo.

18.4. Cán bộ của Viện được cử đi đào tạo trong và ngoài nước tuân thủ theo quy chế quản lý đào tạo của Bộ và của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.

Điều 19. Về hợp tác quốc tế

19.1. Viện được thực hiện mối quan hệ, hợp tác khoa học công nghệ và đào tạo với các tổ chức khoa học, công nghệ quốc tế; mời chuyên gia đến nghiên cứu, giảng dạy và làm việc tại Viện theo quy định của pháp luật và quy chế của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.

19.7. Viện tham gia công tác hợp tác quốc tế khác do Trung tâm Đào tạo và hợp tác quốc tế thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam làm đầu mối quản lý.

CHƯƠNG IV

QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 20. Quan hệ công tác giữa Viện trưởng với các Phó Viện trưởng, Viện trưởng với lãnh đạo các đơn vị thuộc Viện

20.1. Viện trưởng tổ chức thực hiện quyết định số 2862/QĐ-BNN-TCCB ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng và Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam về mọi hoạt động của Viện.

Viện trưởng phân công cho các Phó Viện trưởng phụ trách một số lĩnh vực công tác; ủy quyền cho Phó Viện trưởng thường trực điều hành giải quyết công việc của Viện (bằng văn bản) khi Viện trưởng vắng mặt 3 ngày trở lên.

20.2. Viện trưởng giao nhiệm vụ cho các đơn vị thông qua thủ trưởng các đơn vị.

20.3. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ Viện giao và báo cáo kết quả thực hiện về Viện.

Điều 21. Quan hệ giữa Ban Giám đốc Viện với tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội

21.1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật và tuân theo điều lệ Đảng. Ban Giám đốc Viện phối hợp chặt chẽ với cấp Ủy trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Viện.

21.2. Các tổ chức chính trị xã hội trong Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Quản lý nhà nước đối với Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam

Viện KHTL miền Nam chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và PTNT, chịu sự quản lý trực tiếp của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam; chịu sự quản lý, hướng dẫn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo từng lĩnh vực chuyên môn của Viện; chịu sự quản lý hành chính của UBND tỉnh, thành phố theo địa bàn Viện đặt trụ sở.

Điều 23: Quan hệ giữa Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam với các đơn vị thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam là thành viên của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, có quan hệ gắn bó hữu cơ với các thành viên khác của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam. Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được Bộ và Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam phân công, Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam cùng hợp tác khoa học công nghệ với các thành viên của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam dưới các hình thức liên danh, liên kết, hợp tác nghiên cứu, trao đổi kết quả nghiên cứu, mời chuyên gia phối hợp nghiên cứu và tham gia các hội đồng khoa học công nghệ, mời giảng viên tham gia đào tạo sau đại học...

Các Ban quản lý chức năng thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, theo nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra kịp thời tạo điều kiện thuận lợi giúp Viện hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 24: Quan hệ giữa Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam với các đơn vị thuộc Bộ, các địa phương và các đơn vị

Viện hợp tác, liên kết toàn diện hoặc từng công đoạn với các đơn vị thuộc Bộ và các địa phương để tiến hành nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, phục vụ sản xuất, giải quyết những vấn đề kỹ thuật chuyên ngành theo theo các quy định của pháp luật.

Viện có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các Trường và Viện ở trong và ngoài ngành có liên quan để phát huy tổng hợp tiềm lực và tránh trùng lặp trong việc giải quyết các vấn đề khoa học công nghệ.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25: Bản điều lệ này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Mọi sửa đổi, bổ sung phải báo cáo Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam xem xét quyết định.

Điều 26: Viện trưởng Viện Khoa học Thủy lợi Miền Nam căn cứ vào bản Điều lệ này tiến hành sắp xếp tổ chức, bố trí cán bộ, qui định chi tiết tổ chức và hoạt động của các tổ chức trong Viện để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

GIÁM ĐỐC



Đào Xuân Học